TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CƯM'GAR** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2023/HNGĐ-ST
Ngày 13-3-2023
"V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯM'GAR, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phùng Thị Nở.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hà Thị Hương.

2. Ông Y Wal Mlô.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Nguyễn Thái Hoàng – Là thư ký Tòa án nhân dân huyện CưM'gar.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CưM'gar, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa*:** Bà Phạm Thu Thủy - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 3 năm 2023 tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện CưM'gar, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 414/2022/TLST-HNGĐ, ngày 17 tháng 10 năm 2022, về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 16/02/2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Th, sinh năm 19xx. (có mặt)

Địa chỉ: Số xx, đường B, tổ dân phố x, thị trấn Q, huyện C, tỉnh Đ.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Quốc V, sinh năm 19xx. (có mặt)

Địa chỉ: Số xx, đường L, tổ dân phố x, thị trấn Q, huyện C, tỉnh Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai của đương sự, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Phạm Thị Th trình bày:

Bà Phạm Thị Th và ông Nguyễn Quốc V kết hôn với nhau trên tinh thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Q, huyện C, tỉnh Đ vào

ngày 11/5/2011. Trong quá trình chung sống, giữa bà Th và ông V thường xuyên xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân là do giữa bà Th và ông V không có tiếng nói chung, ông V không tôn trọng ý kiến của bà Th, không tin tưởng bà Th, nghi ngờ bà Th có mối quan hệ bất chính bên ngoài, sử dụng lời nói xúc phạm danh dự nhân phẩm của bà Th. Bà Th và ông V không còn chung sống với nhau từ năm 2019 cho đến nay, hiện nay bà Th không còn tình cảm với ông V. Vì vậy, đề nghị Tòa án giải quyết cho bà Th được ly hôn với ông V.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, giữa bà Th và ông V có 03 người con chung là cháu Nguyễn Phạm Thiên H, sinh ngày 0x/1x/20xx; cháu Nguyễn Phạm Hà M, sinh ngày 2x/1x/20xx và cháu Nguyễn Hoàng B, sinh ngày 1x/0x/20xx. Các cháu đều phát triển khỏe mạnh, bình thường. Bà Th có nguyện vọng được chăm sóc, nuôi dưỡng cả ba con chung. Tuy nhiên, cháu Nguyễn Phạm Thiên H có nguyện vọng được sống với bố nên bà Th đồng ý. Còn các cháu Nguyễn Phạm Hà M và cháu Nguyễn Hoàng B còn nhỏ nên bà Th có nguyện vọng được chăm sóc nuôi dưỡng cháu M và cháu B cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Th không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai của đương sự, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa bị đơn ông Nguyễn Quốc V trình bày:

Ông V đồng ý với ý kiến của bà Th về thời gian đăng ký kết hôn, còn về mẫu thuẫn trong quá trình chung sống ông V không đồng ý vì giữa ông V và bà Th thỉnh thoảng mới xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do những lúc bà Th đi làm về khuya, uống rượu bia say xỉn nhưng mâu thuẫn không gây gắt, còn thiếu sự tin tưởng và có khi xúc phạm lẫn nhau là không có. Ông V và bà Th chưa bao giờ sống ly thân, hiện nay ông V và bà Th không chung sống với nhau là vì bà Th thường xuyên đuổi ông V ra khỏi nhà, do đó từ tháng 8 năm 2022 ông V đã dọn ra ngoài sống. Trong quá trình giải quyết vụ án ông V không đồng ý ly hôn với bà Th vì ông V vẫn còn tình cảm với bà Th, hơn nữa các con rất cần sự chăm sóc của cả bố và mẹ. Tuy nhiên, tại phiên tòa ông V đồng ý ly hôn với bà Th với điều kiện tài sản chung và nợ chung phải được giải quyết.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, ông V và bà Th có 03 người con chung như bà Th trình bày là đúng. Ông V đề nghị Tòa án xem xét giải quyết cho ông V được chăm sóc nuôi dưỡng một trong hai cháu Nguyễn Hoàng B và cháu Nguyễn Phạm Hà M. Còn cháu Nguyễn Phạm Thiên H đã lớn thì theo nguyện vọng của cháu.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông V không yêu cầu bà Th cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Trong quá trình giải quyết vụ án ông V không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tuy nhiên, tại phiên tòa ông V yêu cầu giải quyết về tài sản chung và nợ chung.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án; kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về quan điểm giải quyết vụ án:

Đối với Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 71 của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn thực hiện đúng và đầy đủ các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ các Điều 51, 53, 54, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị Th.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị Th được ly hôn với ông Nguyễn Quốc V.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Phạm Thiên H, sinh ngày 0x/1x/20xx cho ông Nguyễn Quốc V trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu đến khi cháu thành niên (đủ 18 tuổi).

Giao cháu Nguyễn Phạm Hà M, sinh ngày 2x/1x/20xx và cháu Nguyễn Hoàng B, sinh ngày 1x/0x/20xx cho bà Phạm Thị Th trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các cháu đến khi các cháu thành niên (đủ 18 tuổi).

Về án phí: Bà Phạm Thị Th có nghĩa vụ chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật:* Nguyên đơn bà Phạm Thị Th khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết Ly hôn và tranh chấp về nuôi con với bị đơn ông Nguyễn Quốc V có địa chỉ tại số xx, đường L, tổ dân phố x, thị trấn Q, huyện C, tỉnh Đ là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện CưM’gar, tỉnh Đắk Lắk.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị Th và ông Nguyễn Quốc V kết hôn tuân thủ đúng quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên được pháp luật công nhận và bảo vệ. Theo bà Th trình bày nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn chủ yếu là do giữa bà Th và ông V không có tiếng nói chung, ông V không tôn trọng ý kiến của bà Th, không tin tưởng bà Th, nghi ngờ bà Th có mối quan hệ bất chính bên ngoài, sử dụng lời nói xúc phạm đến danh dự nhân phẩm của bà Th. Bà Th và ông V không còn chung sống với nhau từ năm 2019 cho đến nay, hiện nay bà Th không còn tình cảm với ông V. Vì vậy, đề nghị Tòa án giải quyết cho bà Th được ly hôn với ông V.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông V không đồng ý ly hôn với bà Th với lý do ông V còn tình cảm với bà Th và các con còn nhỏ rất cần sự chăm sóc nuôi dưỡng của bố và mẹ. Tuy nhiên, tại phiên tòa ông V đồng ý ly hôn với bà Th với điều kiện tài sản chung và nợ chung phải được giải quyết. Hội đồng xét xử xét thấy, từ khi Tòa án thụ lý giải quyết vụ án đã tạo điều kiện hòa giải nhiều lần để bà Th và ông V giải quyết mâu thuẫn, tìm lại tiếng nói chung. Tuy nhiên, bà Th và ông V không có giải pháp nào để hàn gắn tình cảm. Tại phiên tòa bà Th kiên quyết yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Do đó, có căn cứ để xác định mâu thuẫn giữa bà Th và ông V đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Phạm Thị Th là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Trong quá trình chung sống bà Phạm Thị Th và ông Nguyễn Quốc V có 03 con chung là là cháu Nguyễn Phạm Thiên H, sinh ngày 0x/1x/20xx; cháu Nguyễn Phạm Hà M, sinh ngày 2x/1x/20xx và cháu Nguyễn Hoàng B, sinh ngày 1x/0x/20xx. Bà Th và ông V đều có nguyện vọng được nuôi dưỡng các con chung. Hội đồng xét xử xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án cháu Nguyễn Phạm Thiên H, sinh ngày 0x/1x/20xx có nguyện vọng được sống với ông V nên cần giao cháu H cho ông V nuôi dưỡng cho đến khi cháu Hđủ 18 tuổi. Còn đối với cháu Nguyễn Phạm Hà M, sinh ngày 2x/1x/20xx và cháu Nguyễn Hoàng B, sinh ngày 1x/0x/20xx còn nhỏ rất cần sự chăm sóc của mẹ, hơn nữa hiện nay bà Th là công chức có thu nhập và nơi ở ổn định nên giao hai cháu M và cháu B cho bà Th nuôi dưỡng cho đến khi cháu M và cháu B đủ 18 tuổi.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Th và ông V không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: Tại phiên tòa, ông V yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét giải quyết về tài sản chung và nợ chung. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án các đương sự không có đơn yêu cầu giải quyết về tài sản chung và nợ chung. Do đó, bà Phạm Thị Th và ông Nguyễn Quốc V có quyền khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung và nợ chung trong một vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[3] Đối với ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Quan điểm của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[4] Về án phí: Bà Th phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Th.

Bà Phạm Thị Th được ly hôn với ông Nguyễn Quốc V.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Phạm Hà M, sinh ngày 2x/1x/20xx và cháu Nguyễn Hoàng B, sinh ngày 1x/0x/20xx cho bà Phạm Thị Th trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Giao cháu Nguyễn Phạm Thiên H, sinh ngày 0x/1x/20xx cho ông Nguyễn Quốc V nuôi dưỡng cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Phạm Thị Th và ông Nguyễn Quốc V không yêu cầu giải quyết.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Phạm Thị Th và ông Nguyễn Quốc V có quyền khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung và nợ chung trong một vụ án khác theo quy định của pháp luật.

5. Về án phí: Bà Phạm Thị Th phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) bà Th đã nộp theo biên lai số AA/2021/0013728 ngày 17/10/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện CưM’gar, tỉnh Đắk Lắk.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện CưM’gar;
- Chi cục THADS huyện CưM’gar;
- UBND thị trấn Quảng Phú;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phùng Thị Nở